

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 117/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty C;**

Trụ sở: Tầng 9-26-27-28-29, S – A T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trụ sở theo thông tin cũ: Tầng 9-26-27-28-29, S – A T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Tầng 9-26-27-28-29, S – A T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: Tầng 9-26-27-28-29, S – A T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Đại diện theo Giấy uỷ quyền số 1139.2024/GUQ-COL ngày 24/12/2024).

- Bị đơn: **Công ty TNHH D;**

Trụ sở: C H, phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Trụ sở theo thông tin cũ: C H, Phường B2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH T1;

Trụ sở: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Trụ sở theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2025).

2. Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982 và ông Lê Bá Th1, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Cùng địa chỉ theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 008507/2025/CCGD ngày 03/9/2025 tại Văn phòng công chứng Chu Kim Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Bà Bùi Thị Thúy V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: M1 Đường số N – KDC C1, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: M1 Đường số N – KDC C1, phường B1, quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Minh H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A1 B, phường Tr, tỉnh Đ1.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: ấp A1 B, xã Tr, thành phố M, tỉnh T1).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 008342/2025/CCGD ngày 27/8/2025 tại Văn phòng công chứng Chu Kim Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn Công ty TNHH Đ xác nhận còn nợ nguyên đơn Công ty C tính đến 04/9/2025 tổng số tiền là 2.097.897.025 (Hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng phát sinh từ các Hợp đồng cho thuê tài chính số F230119003 và G230317403 ký ngày 15/03/2023, trong

đó: Nợ gốc: 1.397.664.805 (Một tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm lẻ năm) đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến 06/11/2024: 534.956.619 (Năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm mười chín) đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ 06/11/2024 đến 04/09/2025: 165.275.601 (Một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ một) đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đ sẽ thanh toán cho Công ty C toàn bộ số tiền là 2.097.897.025 (Hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng vào ngày 15/9/2025.

Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ, Công ty TNHH Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký.

Trong trường hợp nếu Công ty TNHH Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thì Công ty TNHH T1, ông Lê Bá Th1, bà Trần Minh H1 và bà Bùi Thị Thúy V có nghĩa vụ liên đới cùng Công ty TNHH Đ thanh toán cho Công ty C theo như nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đối với Hợp đồng thuê cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện thanh toán hoặc thực hiện việc thanh toán nhưng số tiền không đủ như cam kết thì Công ty C được quyền nộp đơn tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: 36.978.970 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi) đồng; Bị đơn Công ty TNHH Đ tự nguyện chịu;

Hoàn lại cho Công ty C số tiền 36.180.152 (Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn một trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0080763 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
(Phòng THADS khu vực 4 – TP.Hồ Chí Minh);
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc